

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2020/HS-ST

Ngày: 23 - 12 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

2/ Ông Ngũ Minh Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 357/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/HSST-QĐ ngày 14/12/2020 đối với bị cáo:

Đặng Trung H, sinh năm 1997 tại tỉnh G; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K, sinh năm 1975 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. Bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại theo Quyết định số 105/2019/QĐ-TA ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh T.
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Hồ Văn L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh T. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Mạnh C. Vắng mặt.

- Bà Tô Thùy L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Đặng Trung H là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người dân bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, khoảng 21 giờ 40 phút ngày 15/8/2020 H đi bộ trên đoạn đường ĐT 743 thuộc khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, khi đi đến trước tiệm bán đồ bơi M tại khu phố B, phường C, thành phố T thì phát hiện 01 (một) xe mô tô biển số 36B3-630.29 của bà Lê Thị T đang dừng phía trước kiot, có sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe, H đi vào dẫn xe ra và đề máy tẩu thoát. Lúc này, bà T đang ở trong kiot phát hiện H lấy trộm xe nên đã truy hô nhưng H đã trốn thoát được. Sau đó, H điều khiển xe đến nhà bạn tên Nguyễn Mạnh C tại địa chỉ X khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại đây, H tháo biển số xe 36B3-630.29 gửi lại nhà của C, C không đồng ý nhưng H vẫn để lại và hứa quay lại lấy. Sau đó, H điều khiển xe trên đường Lê Thị T hướng về phường A thì lực lượng Công an tuần tra kiểm tra phát hiện bắt giữ H đưa về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Waves màu đỏ biển số 36B3-630.29; số máy JC52E-1225351, số khung RLHJC5276DY018089; 01 (một) nón lưỡi trai màu đỏ; 01 (một) áo khoác jean dài tay màu xanh nhạt.

Kết luận định giá tài sản ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Waves biển số 36B3-630.29 trị giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Bản Cáo trạng số 370/CT-VKS-TA ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đặng Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Đặng Trung H mức hình phạt từ 08 (tám) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Waves màu đỏ biển số 36B3-630.29; số máy JC52E-1225351, số khung RLHJC5276DY018089, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị T, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại tài sản cho bà T là phù hợp.

- Đối với 01 (một) nón lưỡi trai màu đỏ; 01 (một) áo khoác jean dài tay màu xanh nhạt qua điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của bị cáo H, không dùng vào mục đích phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại tài sản trên nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

Đối với việc thu giữ biển số xe 36B3-630.29 tại nhà của Nguyễn Mạnh C. Qua điều tra Cường và H đều khai nhận việc H trộm cắp xe trên C không biết, sau khi H mang xe đến nhà C và tháo biển số gửi lại thì C không đồng ý nhưng H vẫn để lại biển số và bỏ đi, sau đó công an đến thu giữ, Cơ quan điều tra Công an thành phố T không xem xét xử lý vai trò đồng phạm đối với C là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không đặt ra.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiêu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 15/8/2020, tại trước tiệm bán đồ bơi M, địa chỉ X khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Đặng Trung H có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đỏ, biển số 36B3-630.29; số máy JC52E-1225351, số khung RLHJC5276DY018089 trị giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) của bị hại bà Lê Thị T. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Đặng Trung H về tội trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận

thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đỏ biển số 36B3-630.29; số máy JC52E-1225351, số khung RLHJC5276DY018089, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị T, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại tài sản cho bà T là đúng quy định.

- Đối với 01 (một) nón lưỡi trai màu đỏ; 01 (một) áo khoác jean dài tay màu xanh nhạt qua điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không dùng vào mục đích phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến không nhận lại tài sản nêu trên nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Đối với Nguyễn Mạnh C, qua điều tra xác định C không biết việc H trộm cắp chiếc xe trên, đồng thời khi H mang xe đến nhà C và tháo biển số gửi lại thì C không đồng ý nhưng H vẫn để lại biển số và bỏ đi, sau đó công an đến thu giữ. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thành phố T không xem xét xử lý vai trò đồng phạm đối với C là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Trung H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) nón lưỡi trai màu đỏ; 01 (một) áo khoác jean dài tay màu xanh nhạt.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Bị cáo bị cáo Đặng Trung H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T ;
- Chi cục THADS thành phố T ;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh